

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hạnh Lê;

2. Bà Lê Thị Thanh Nhung.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1, Bà Nguyễn Thị A; sinh năm: 1950; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

2, Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

3, Anh Phạm Đình S, sinh 1981; Nơi ĐK HKTT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Phạm Đình S: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản uỷ quyền ngày 22 tháng 3 năm 2024)

Bị đơn:

1, Ông Phạm Viết T; sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

2, Bà Nguyễn Thị G; sinh năm: 1982; Nơi ĐKHKTT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị G: Ông Phạm Viết T; sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản uỷ quyền ngày 04 tháng 9 năm 2024)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quyền sử dụng đất: Các đương sự thống nhất thỏa thuận giữ nguyên hiện trạng các thửa đất số 913 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 297867 ngày 06 tháng 3 năm 2015 cho anh Phạm Viết T; thửa đất số 911 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 297598 ngày 21 tháng 8 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị A và thửa đất số 1832 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 500433 ngày 20 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Viết S1, tờ bản đồ số 15, xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An theo sơ đồ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Theo đó:

Anh Phạm Viết T được quyền sử dụng 3,7m² đất ở thuộc thửa đất số 1832, tờ bản đồ số 15, xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 500433 ngày 20 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Viết S1.

Anh Phạm Viết T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đình S số tiền: 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng).

Anh Phạm Viết T được quyền sử dụng 9,2m² đất ở thuộc thửa đất số 911 tờ bản đồ số 15, xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 297598 ngày 21 tháng 8 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị A.

Anh Phạm Viết T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng).

- Các chủ sử dụng đất không sử dụng chung mương nước.
(đặc điểm chi tiết có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, anh Phạm Đình S và chị Nguyễn Thị L đã tự nguyện chi trả đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và không yêu cầu bị đơn phải chịu.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật.

5. *Về án phí:* Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 8, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc anh Phạm Viết T1 phải chịu 3.000.000^d (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đình S số tiền tạm ứng án phí 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng) mà chị L và anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0003325 ngày 15/3/2024.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Hưng Nguyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).
- (6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội

đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)